TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 30-3-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 3 D, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1982 (có mặt – văn bản ủy quyền ngày 10/12/2020).

Địa chỉ liên hệ: Số C3 đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị P, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Lâm Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày: Bà Lâm Thị P đã ký kết với Ngân hàng A – chi nhánh S ký hợp đồng tín dụng vay vốn gồm:

1/ Hợp đồng tín dụng số 0531/2019/PST/HĐTD ngày 20/7/2019 giải ngân cho số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích để tiêu dùng, lãi suất vay 10,5%/năm trong 06 tháng đầu, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất vay (điều chỉnh) = lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Nợ gốc và lãi trả định kỳ 01 tháng/lần và trả cố định vào ngày 15 của tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/8/2019. Hiện nợ tiền vốn vay 247.500.000 đồng và lãi 30.287.795 đồng.

2/ Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 0540/2019/HĐTD-TTBL S ngày 23/7/2019 với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, hiện nợ tiền vốn 16.000.000 đồng, phí chậm thanh toán 33.704.383 đồng và lãi quá hạn 24.818.330 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ: Bà Lâm Thị P đã ký với Ngân hàng A hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/2019/BĐ ngày 20/7/2019. Tài sản gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 083726 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/7/2011. Thửa 1185 (diện tích 1.102m^2), mục đích đất ở (100m^2) và đất trồng cây lâu năm (1.002m^2). Đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Từ ngày 10/12/2020, bà Lâm Thị P vi phạm hợp đồng không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn không khắc phục theo yêu cầu cho đến khi Ngân hàng khởi kiện

Ngân hàng A yêu cầu bà Lâm Thị P trả số tiền là 351.606.125 đồng, gồm vốn 263.500.000 đồng, lãi 54.401.642 đồng, phí chậm thanh toán 33.704.383 đồng và lãi đến khi thanh toán xong tiền vay. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế để xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/2019/BĐ ngày 22/7/2019 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

- Bị đơn bà Lâm Thị P vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 11/TB-TLVA ngày 08/01/2021; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 483/TB-TA ngày 24/9/2021, số 495/TB-TA ngày 11/10/2021, số 510/TB-TA ngày 22/10/2021; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và các thông báo về việc xem xét, thẩm định tại chỗ; các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, hoãn phiên tòa và giấy triệu tập.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2021 (bl 93) bà Tiếng trình bày ý kiến: Căn nhà do P xây dựng từ tiền trúng số, không có người khác đóng góp. Bà không có yêu cầu nào khác, Phường không về Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền vốn gốc và tiền lãi là 351.606.125 đồng, bà P phải tiếp tục chịu lãi đến khi thanh toán xong tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Nếu bà Lâm Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0531/2019/BĐ ngày 22/7/2019

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bị đơn không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lâm Thị P có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 12 Hợp đồng tín dụng số 0531/2019/PST/HĐTD thì nơi nhận thông báo của bên vay là địa chỉ nêu trong hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn không có mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ mới. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, việc làm của bị đơn được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt Ngân hàng A) yêu cầu bà Lâm Thị P hoàn trả tiền vay, lãi tạm tính đến ngày 30/3/2022 là 351.606.125 đồng, trong vốn 263.500.000 đồng, lãi 54.401.642 đồng (lãi quá hạn 26.402.700 đồng), phí chậm thanh toán 33.704.383 đồng.

Ngân hàng A cung cấp bản sao chứng thực sao đúng với bản chính các hợp đồng tín dụng số 0531/2019/PST/HĐTD ngày 20/7/2019 (bl 11-15), Khế ước nhận nợ số 0531.01/2019/KUNN-OCB-CN ngày 22/7/2019 (bl 10-11), Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0540/2019/HĐTD-THẺ-TTBL Sóc Trăng (bl 16) ngày 23/7/2019, Giấy cam kết ngày 22/7/2019 của khách hàng Lâm Thị P (bl 17), Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/2019/BĐ ngày 20/7/2019 (bl 20-24), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 083726, cấp ngày 25/7/2011 (bl 25), Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/7/2019 có chứng nhận của cơ quan đăng ký ngày 22/7/2013 (bl 18-19). Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử công nhận giữa Ngân hàng A và bà Lâm Thị P có giao kết các hợp đồng nêu trên.

[3] Theo các hợp đồng tín dụng:

[3.1] Số 0531/2019/PST/HĐTD ngày 20/7/2019: Bà Lâm Thị P có vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng. Lãi suất vay 10,5%/năm trong 06 tháng đầu, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất vay (điều chỉnh) = lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm (bl 09-15). Thời hạn vay 120 tháng, nợ gốc và lãi trả định kỳ 01 tháng/lần, trả cố định vào ngày 15 của tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/8/2019.

[3.2] Số 0540/2019/HĐTD-THẺ-TTBL Sóc Trăng ngày 23/7/2019 (bl 16): Bà Lâm Thị P đăng ký sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, loại thẻ tín dụng quốc tế OCB MasterCard hạng thẻ chuẩn. Các nghĩa vụ liên quan đến việc thanh toán nợ được nêu trong bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế OCB, theo Quyết định số 860/2018/QĐ-TGĐ ngày 04/12/2018 thì lãi suất áp dụng là 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[4] Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, giấy cam kết có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện đúng giao kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P không thực hiện việc trả tiền vốn, lãi theo đúng thỏa thuận khi vi phạm lịch trả nợ gốc và thời gian trả nợ lãi, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 0531/2019/PST/HĐTD ngày 20/7/2019, trả nợ gốc được 52.500.000 đồng và còn nợ 247.500.000 đồng; Hợp đồng số 0540/2019/HĐTD-TTBL Sóc Trăng ngày 23/7/2019 trả nợ gốc được 4.000.000 đồng, còn nợ 16.000.000 đồng. Từ ngày 10/12/2020, bà Lâm Thị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ đã cam kết.

[5] Về tiền vốn vay: Bà P nhận tiền vốn vay của hợp đồng số 0531/2019/PST/HĐTD, nêu trên là 300.000.000 đồng và được phát hành thẻ tín dụng

hạn mức 20.000.000 đồng nhưng đến nay chỉ trả được 56.500.000 đồng, còn lại 263.500.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*. Do bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, lãi theo thỏa thuận tại khoản 9, 10 Điều 1 của Khế ước nhận nợ ngày 22/7/2019; bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế B nên phải chịu hậu quả theo giao kết và quy định pháp luật. Xét thấy việc Ngân hàng yêu cầu bà P trả tiền vốn vay còn nợ 263.500.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất, phí chậm thanh toán: Ngân hàng yêu cầu bà P phải thanh toán số tiền 88.106.025 đồng, gồm lãi 54.401.642 đồng (lãi quá hạn 26.402.700 đồng) và phí chậm thanh toán 33.704.383 đồng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này"*. Xét hợp đồng tín dụng số 0531/2019/PST/HĐTD ngày 20/7/2019 thỏa thuận lãi suất cho vay cố định là 10,5%/năm, lãi suất điều chỉnh là 12,2%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hợp đồng 0540/2019/HĐTD-TTBL Sóc Trăng thỏa thuận lãi suất là 30%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay và phí chậm thanh toán là phù hợp quy định. Do đó, yêu cầu tính lãi, phí chậm thanh toán của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, bà P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Phường Đông tiền lãi và phí là 88.106.025 đồng.

[7] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, bà P đã ký kết các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/2019/BĐ ngày 20/7/2019, xét thấy về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp quy định pháp luật. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 1185 (diện tích 1.102m^2), mục đích đất ở (100m^2) và đất trồng cây lâu năm (1.002m^2), tọa lạc tại ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 083726 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp vào ngày 25/7/2011 và tài sản gắn liền với đất có căn nhà thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp. Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn vắng mặt và người quản lý tài sản không hợp tác nên không thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ được. Tuy nhiên qua lời khai của bà Nguyễn Thị T và đại diện nguyên đơn xác định tại thửa đất 1185 có phần nền mộ của gia đình bà P, đại diện hợp pháp Ngân hàng đồng ý không yêu cầu phát mãi phần diện tích đất đã xây dựng nền mộ nên cần

được trừ ra không tiến hành phát mãi.

[8] Về chi phí thẩm định là 450.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lâm Thị P phải chịu số tiền này, nguyên đơn nộp tạm ứng nên bà Lâm Thị P phải trả cho nguyên đơn.

[9] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[10] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc bà Lâm Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 351.606.125 đồng, trong vốn 263.500.000 đồng, lãi 54.401.642 đồng, phí chậm thanh toán 33.704.383 đồng.

2. Kể từ ngày 31/3/2022, bà Lâm Thị P còn phải tiếp tục chịu lãi của tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0531/2019/PST/HĐTD ngày 20/7/2019, hợp đồng số 0540/2019/HĐTD-TTBL Sóc Trăng ngày 23/7/2019.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lâm Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0531/2019/BĐ ngày 20/7/2019 là quyền sử dụng đất thửa 1185 (diện tích 1.102m^2), mục đích đất ở (100m^2) và đất trồng cây lâu năm (1.002m^2), tọa lạc tại ấp T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 083726 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp vào ngày 25/7/2011 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp chưa được cấp chứng nhận quyền sở hữu. Trừ ra diện tích đất nền mộ đã xây dựng thực tế không tiến hành phát mãi.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị P phải chịu án phí số tiền 17.580.306 đồng.

Ngân hàng A không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng

A, số tiền 7.975.000 đồng theo biên lai thu số 0008237 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Lâm Thị P phải chịu là 450.000 đồng, số tiền bà P nộp được hoàn trả cho Ngân hàng A.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Mai